

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum năm 2021

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Các quy định, văn bản hướng dẫn liên quan¹.
- Tiếp tục triển khai các Văn bản liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục I kèm theo*).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, hướng đến Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển chính quyền điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển Chính quyền điện tử;
- Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Kon Tum (phiên bản 2.0);
- Đảm bảo 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và

¹ Luật Công nghệ thông tin ngày 29-6-2006; Luật Giao dịch điện tử ngày 29-11-2005; Luật An toàn thông tin ngày 11-9-2015; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10-4-2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17-4-2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07-3-2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03-6-2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08-4-2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09-4-2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 20-7-2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31-12-2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Văn bản số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15-7-2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021;

hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương (theo hướng dẫn của Trung ương);

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng Sở, ngành, địa phương đạt từ 20% trở lên; tích hợp tối thiểu 30% các dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4 của các sở, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được thực hiện thông qua Hệ thống Một cửa điện tử liên thông của tỉnh;

- Duy trì, phát huy hiệu quả các hợp phần đã triển khai giai đoạn 1 và triển khai các hợp phần giai đoạn 2 của Trung tâm điều hành thông minh tỉnh theo Kế hoạch số 1390/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó tập trung nguồn lực để triển khai xây dựng Hệ thống Giám sát - điều hành phản ánh kiến nghị và Hệ thống Giám sát - điều hành an ninh trật tự, giao thông và đô thị tích hợp vào Trung tâm điều hành thông minh tỉnh nhằm phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền của tỉnh.

- Hoàn thành việc xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đảm bảo kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; phần đầu tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

- Hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia (NGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Bảo hiểm, Đăng ký doanh nghiệp, liên thông các lĩnh vực trong thực hiện thủ tục hành chính theo lộ trình và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương;

- Ưu tiên sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, xác định đây là hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử và liên thông, chia sẻ dữ liệu;

- Đảm bảo lộ trình thực hiện cung cấp tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; đảm bảo Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng DVCTT; 100% cổng/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, địa phương công khai thông tin đầy đủ theo các quy định của pháp luật; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (theo kế hoạch kết nối, chia sẻ dữ liệu của Trung ương);

- Ứng dụng CNTT để giảm từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy trong hội họp, thông qua việc sử dụng, gửi, nhận tài liệu

qua phần mềm ECabinet, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành và các hệ thống thông tin điện tử phục vụ công việc;

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT ở các cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

- Chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với sự phát triển mạnh mẽ của các xu hướng công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các TTHC trên môi trường mạng;

- Xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Kon Tum theo Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;

- Rà soát, bổ sung bộ mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh thống nhất theo tiêu chuẩn quy định phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh;

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT;

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ đã được phê duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Bổ sung đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, hạ tầng kết nối, hạ tầng an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử tỉnh theo lộ trình. Hoàn thiện, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh, thông qua đó tổ chức tái cấu trúc hạ tầng CNTT của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên các công nghệ điện toán đám mây nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả

năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư mới và bổ sung, nâng cấp trang thiết bị CNTT cho các phòng máy chủ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng CNTT của các đơn vị thuộc và trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử địa phương theo lộ trình của Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất triển khai đầu tư trang bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin được đầu tư, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đánh giá theo Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện ban hành tại Quyết định số 2392/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng của người dùng cuối theo lộ trình triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá và triển khai giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo duy trì kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các hệ thống ứng dụng, dịch vụ và CSDL dùng chung của tỉnh vào hệ thống; tích hợp phần mềm Một cửa điện tử với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình trao đổi, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu;

- Nâng cấp, mở rộng và phát triển các hệ thống thông tin nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm lõi của Trung tâm điều hành thông minh tỉnh, Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng Thông tin điện tử, Thư điện tử công vụ, Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh, Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội để phù hợp với công tác quản lý của tỉnh, ngành, lĩnh vực;

- Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Vận hành ổn định IPv6 trên các hệ thống thông tin điều hành và hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Yêu cầu các thiết bị CNTT, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có kết nối internet thuộc dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT bắt buộc phải hỗ trợ kết nối IPv6;

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng dịch vụ viễn thông, đặc biệt là tốc độ Internet, triển khai hiệu quả băng tầng mạng di động 4G, 5G.

4. Phát triển dữ liệu

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn). Kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để khai thác, sử dụng.

- Hoạt động đầu tư mới CSDL, hệ thống thông tin tại các sở, ngành, địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, CSDL do các Bộ, ngành triển khai; không đầu tư trùng lặp với các CSDL quốc gia và danh mục các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông và Cục Tin học hóa theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Hoàn thiện, xây dựng mới các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, lĩnh vực và các hệ thống thông tin phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Các dự án, nhiệm vụ CNTT đang triển khai nhưng không xây dựng cơ sở dữ liệu phải đảm bảo có các thành phần, mô đun để kết nối, sử dụng dữ liệu do các hệ thống bên ngoài cung cấp. Đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu thì cần có kế hoạch nâng cấp để đảm bảo khả năng tiếp nhận kết nối, chia sẻ dữ liệu;

- Công bố và thường xuyên cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng và triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong phạm vi toàn tỉnh (gồm dữ liệu thống kê, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã được thông tin rộng rãi trên các cổng/trang thông tin điện tử, dữ liệu quan trắc,...). Phân đầu mỗi đơn vị trực thuộc cung cấp và duy trì ít nhất 01 bộ dữ liệu mở;

- Chủ quản các hệ thống thông tin tổ chức rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu trong phạm vi của mình quản lý đang được lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Trong trường hợp dữ liệu không đảm bảo cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau thì cần có kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu trong năm 2021 và các năm tiếp theo để sử dụng cho việc chia sẻ rộng rãi;

- Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi dữ liệu do mình quản lý theo Điều 24 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP;

- Triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2025 theo lộ trình được phê duyệt.

5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp, công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt;

- Hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bổ sung dịch vụ, tiện ích trực tuyến phục vụ khách hàng. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và lộ trình của tỉnh;

- Rà soát, mở rộng danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, danh mục TTHC thực hiện thanh toán trực tuyến và danh mục TTHC áp dụng dịch vụ bưu chính công ích, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra. Tăng cường các biện pháp truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả của mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC;

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính cho toàn tỉnh và hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân và các tiện ích khác;

- Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ tại Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch ứng dụng CNTT của các ngành, lĩnh vực khác sau khi được phê duyệt.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng và ban hành các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức;

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh,...; tổ chức thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố

an toàn thông tin mạng tỉnh, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

- Chuẩn hóa hệ thống mạng, quy trình quản lý an toàn hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ 100% máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

- Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mô hình 4 lớp, phương án triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn cho các hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ;

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin, CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn;

- Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

- Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng; các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng;

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính quyền số; về khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tổ chức đào tạo, tập huấn về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh cho các thành viên Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức phụ trách về CNTT ở các ngành có ứng dụng chuyên sâu như: Giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, tài nguyên môi trường, thông tin và truyền thông,... trong đó, cần chú trọng đào tạo kiến thức chuyên sâu về an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin;

- Cử cán bộ chủ chốt tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

- Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo thạc sĩ CNTT và viễn thông phù hợp với vị trí việc làm;

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền điện tử.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về môi trường chính sách

- Tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách của Chính phủ về ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển CNTT;

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh;

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các quy định, quy chế về hệ thống thông tin dùng chung, an toàn thông tin, trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, các quy định về cập nhật cơ sở dữ liệu, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,...;

- Duy trì, phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị trên địa bàn tỉnh; tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể những điểm còn hạn chế và triển khai các giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng về chỉ số về mức độ sẵn sàng cho phát triển chính phủ điện tử (ICT Index), chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh;

- Rà soát, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung ứng dụng, phát triển CNTT vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

- Xây dựng các chương trình phối hợp giữa cơ quan Nội vụ và cơ quan Thông tin và Truyền thông để gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử với công tác cải cách hành chính; phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai các hệ thống thông tin đã được đầu tư phục vụ hiện đại hóa hành chính;

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan;

- Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT; bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (tiêu chí về hiện đại hóa nền hành chính), bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền điện tử của các xã, phường, thị trấn, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phù hợp với tình hình triển khai thực tế của địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra ứng dụng CNTT tại các cơ quan, địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh;

- Đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng CNTT làm cơ sở cho việc tổ chức, triển khai nhân rộng các sản phẩm mang lại hiệu quả cao.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ của Chính phủ điện tử, Chính phủ số;

- Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên các cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công;

- Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm phục vụ hành chính công, cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube,...;

- Nâng cao chất lượng nội dung các chương trình truyền thông Chính phủ điện tử của tỉnh trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, tăng cường lồng ghép tuyên truyền về cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, chính quyền điện tử, chính quyền số; Tổ chức các sự kiện ICT hàng năm.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh

nghiệp

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4;

- Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử;

- Ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT do các doanh nghiệp CNTT cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định;

- Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh; thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin mạng đối với hệ thống thông tin thuộc quyền quản lý hoặc kiểm tra, đánh giá đột xuất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

- Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Triển khai ứng dụng hiệu quả các công nghệ số: Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

6. Thu hút nguồn lực CNTT

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử;

- Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng, phát triển CNTT, đào tạo nhân lực CNTT;

- Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các hoạt động về đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT, cung cấp các dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ CNTT sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, mua sắm theo quy định của Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương qua các chương trình, dự án triển khai theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án khác;

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin

mạng của các cơ quan nhà nước năm 2021: 16.368,6 triệu đồng⁽²⁾.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN: Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum: Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương:

- Triển khai thực hiện kế hoạch đồng bộ, hiệu quả. Tham mưu lồng ghép vào chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo về chính quyền điện tử tỉnh để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các cơ quan, địa phương thực hiện Kế hoạch này;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm đảm bảo triển khai, sử dụng các ứng dụng CNTT đạt hiệu quả;

- Tổ chức đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, mức độ chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng năm 2021;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về CNTT trong xã hội.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương tham mưu bố trí vốn đầu tư cho các chương trình, dự án CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo các quy định về Luật đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ; gắn kết hoạt động ứng dụng CNTT với các nhiệm vụ nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

4. Sở Tài chính: Hướng dẫn các đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí trong dự toán đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đầu năm 2021 để thực hiện Kế hoạch đảm bảo quy định.

5. Sở Nội vụ:

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính;

⁽²⁾ Trong đó: Ngân sách trung ương: 0 triệu đồng; Ngân sách địa phương: 16.368,6 triệu đồng; Nguồn vốn đầu tư: 0 triệu đồng; Nguồn vốn sự nghiệp: 16.368,6 triệu đồng; Các nguồn vốn khác: 0 triệu đồng.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT của các cơ quan đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu theo kế hoạch, kinh phí đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng CNTT liên quan đến lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chế độ thông tin báo cáo, giải quyết phản ánh kiến nghị và các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ.

7. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện các Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đơn vị, địa phương hằng năm, đảm bảo phù hợp với kế hoạch của tỉnh; đồng thời thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu;

- Các đơn vị, địa phương chủ động cân đối, sử dụng trong dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao đầu năm 2021 để thực hiện theo quy định hiện hành;

- Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, quyết liệt chỉ đạo hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, gắn việc ứng dụng CNTT với thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương;

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đảm bảo đồng bộ, huy hiệu quả, đúng quy định và phù hợp theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 của tỉnh.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương khẩn trương và nghiêm túc thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể CT-XH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{MNK}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

